

Study on growth characteristics and production ability of H'mong chicken raised in Binh Dinh province

Vo Thi Trong Hoa*, Vuong Thi Ngoc Thao, Vo Thi Thao Linh, Dang Thi Ngoc Ha

Department of Biology and Agricultural Engineering, Quy Nhon University

Received: 21/04/2019; Accepted: 06/06/2019

ABSTRACT

We conducted an experiment of H'mong chicken bred in Binh Dinh in two different batches (Lot A: 100% mixed feed, Lot B: fed with 100% natural food after the nursery stage) with the form of selling grazing during the period from October 2018 to January 2019. During the breeding process, we noted the difference in the growth and meat production ability of chickens when rearing in two different diets. From 0 to 16 weeks of age (at the time of finishing), the survival rate of chickens is 70%, which is slightly lower than those currently raised locally. We have also described the appearance characteristics of chickens and noted the special features that help distinguish H'mong chicken from other chickens with similar appearance, such as Black chicken (*Gallus gallus domesticus brisson*) and Egyptian chicken (Fayoumi chicken).

Keywords: *H'mong chicken, morphology, growth, production ability, Binh Dinh province.*

*Corresponding author.

Email: vohitronghoa@qnu.edu.vn

Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng và khả năng sản xuất của gà H'mông nuôi tại Bình Định

Võ Thị Trọng Hoa*, Vương Thị Ngọc Thảo, Võ Thị Thảo Linh, Đặng Thị Ngọc Hà

Khoa Sinh - KTNN, Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 21/04/2019; Ngày nhận đăng: 06/06/2019

TÓM TẮT

Chúng tôi đã tiến hành nuôi thử nghiệm gà H'mông tại Bình Định theo hai lô khác nhau (Lô A: cho ăn 100% thức ăn hỗn hợp, lô B: cho ăn 100% thức ăn tự nhiên từ sau giai đoạn úm) với hình thức bán chăn thả trong thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 01/2019. Trong quá trình nuôi, chúng tôi ghi nhận sự sai khác về khả năng sinh trưởng và khả năng sản xuất thịt của gà khi nuôi ở hai chế độ ăn khác nhau. Giai đoạn từ 0 đến 16 tuần tuổi (lúc xuất chuồng), tỷ lệ sống của gà đạt 70%, hơi thấp so với các giống gà hiện được nuôi tại địa phương. Chúng tôi cũng đã mô tả những đặc điểm ngoại hình của gà và lưu ý những điểm đặc biệt giúp phân biệt gà H'mông với những giống gà khác có ngoại hình tương tự dễ nhầm lẫn như gà Ác (*Gallus gallus domesticus brisson*) và gà Ai Cập (gà Fayoumi).

Từ khóa: Gà H'mông, hình thái, tăng trưởng, khả năng sản xuất, tỉnh Bình Định.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Gà H'mông hay còn gọi là gà Mông, gà Mông đen, gà Mèo hay gà xương đen là một giống gà nội địa của Việt Nam có nguồn gốc ở miền núi phía Bắc. Giống gà H'mông là giống gà quý hiếm, có đặc điểm là thịt đen, xương đen, hàm lượng mỡ trong thịt ít, thịt chắc và thơm ngon vào bậc nhất trong các giống gà ở Việt Nam hiện nay. Ngoài việc sử dụng làm thực phẩm, người dân tộc H'mông còn nấu cao để bồi bổ sức khỏe. Hiện nay gà H'mông thương phẩm được coi là món ăn đặc sản. Gà được Trung tâm Khoa học và sản xuất vùng Tây Bắc phát hiện và nuôi thử từ năm 1998. Cuối năm 1999, Viện Chăn nuôi quốc gia nhận thấy đây là giống gà đặc biệt quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng cao nên quyết định đưa vào diện động vật quý hiếm cần được bảo tồn và phát triển. Nhằm mục

đích trên, từ năm 2003, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giao Viện Chăn nuôi thực hiện dự án “Hoàn thiện quy trình công nghệ chăn nuôi vịt Bầu Quý và gà H'mông”, sau đó giống gà H'mông được liệt vào danh sách nuôi giữ giống gốc¹².

Hiện nay, quy mô nuôi gà H'mông chưa rộng, chủ yếu tập trung ở miền núi phía Bắc và khu vực miền Nam, còn miền Trung mới chỉ có vài hộ chăn nuôi nhỏ lẻ với số lượng ít. Khu vực Bình Định nói chung hiện vẫn chưa thấy mô hình nào nuôi gà H'mông thương phẩm, trong khi chúng ta là một trong những nơi tiêu thụ gia cầm đứng đầu khu vực miền Trung. Nhận thấy đây là giống gà quý, dễ nuôi, mang lại giá trị kinh tế cao nên chúng tôi tiến hành “**Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng và khả năng sản xuất của gà H'mông nuôi tại**

*Tác giả liên hệ chính.

Email: vothitronghoa@qnu.edu.vn

Bình Định” nhằm đánh giá về sức sống, khả năng sinh trưởng và khả năng sản xuất thịt của giống từ đó bổ sung thêm một giống gia cầm mới vào quỹ giống gia cầm hiện đang nuôi tại địa phương, đem lại hiệu quả kinh tế cho nông dân, góp phần bảo tồn nguồn gen quý bản địa, bảo tồn đa dạng sinh học.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Giống gà H'ông qua các giai đoạn nuôi tại trại chăn nuôi gia đình ở huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp mô tả hình thái: quan sát, chụp ảnh, ghi chép, mô tả các đặc điểm ngoại hình của gà liên tục từ giai đoạn 1 ngày tuổi tới khi xuất chuồng (16 tuần tuổi).

- Phương pháp bố trí thí nghiệm: Thí nghiệm được tiến hành theo phương pháp phân thành hai lô ngẫu nhiên (lô A và lô B), mỗi lô 50 con, không lặp lại, bố trí theo hình thức nuôi nhốt trong chuồng, đến giai đoạn 1 tháng tuổi bắt đầu cho gà ra ngoài đi lại trong sân vườn (vẫn có sự cách ly giữa hai lô bằng cách cho gà mỗi lô ra sân vườn vào những thời điểm khác nhau). Giữa hai lô theo dõi đảm bảo đồng đều về giống, lứa tuổi, mật độ, quy trình nuôi dưỡng, vệ sinh, phòng bệnh. (Lô A nuôi 100% thức ăn hỗn hợp (TAHH), lô B nuôi 100% TAHH ở giai đoạn úm và 100% thức ăn tự nhiên (TATN) từ giai đoạn 1 tháng tuổi trở đi).

- Phương pháp đánh giá sức sinh trưởng và khả năng sản xuất thịt của gà H'ông: Đối với sức sinh trưởng: cân, đo các chỉ số về khối lượng, chiều dài thân, dài lườn, dài giò và vòng ngực qua các giai đoạn từ 1 ngày đến 16 tuần tuổi (đo 1 lần/tuần vào thời gian cố định, đo trước khi cho gà ăn). Đối với khả năng sản xuất thịt: Gà được chọn với khối lượng bằng khối lượng trung bình của quần thể. Chọn mỗi lô 3 con để khảo sát các chỉ tiêu thân

thịt, phương pháp mổ khảo sát gia cầm theo Bùi Quang Tiến⁹.

- Phương pháp xử lý số liệu: Dùng phần mềm Excel 2010 tính toán giá trị trung bình (\bar{X}), độ lệch chuẩn (SD), hệ số biến thiên ($C_V\%$), kiểm định hai giá trị trung bình (p) và viết phương trình hồi quy tương quan.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm hình thái của gà H'ông

Gà con 1 ngày tuổi cả con trống và con mái toàn thân phủ bộ lông tơ màu đen tuyền chiếm chủ yếu, kế tiếp là màu vàng hoặc trắng xám, trên mình có một đến hai sọc dưa chạy từ đầu đến đuôi, số ít còn lại lông màu hung nâu. Điểm đặc biệt là toàn bộ gà đều có da màu đen. Mắt đen sáng, linh hoạt, kể cả những cá thể không có lông đen tuyền thì màu mắt và viền mắt vẫn là màu đen. Bàn chân 4 ngón, màu đen hoặc đen xám. Mỏ đen, chóp mỏ hơi vàng hoặc trắng xám. Ở giai đoạn này, ngoại hình gà trống và gà mái khó phân biệt vì hầu như tương tự nhau.

Ở giai đoạn trưởng thành, nhìn chung gà H'ông có tầm vóc cao, hình dáng cân đối, nhanh nhẹn, mắt sáng và linh hoạt. Cả gà trống và gà mái có màu da chân chủ đạo là đen hoặc đen xám, nhiều cá thể có lông ở chân. Tất cả các cá thể đều có da màu đen. Mỏ màu đen nhạt. Màu sắc lông khá đa dạng.

Con trống toàn thân phủ lông màu đen ánh xanh hoặc lông màu hoa mơ đen đốm trắng, lông cổ trắng hoặc ngả vàng, cùng màu với một số lông cánh thứ cấp. Mào cờ màu đen hoặc đen xám, mào tích ánh bạc. Lông đuôi màu đen.

Con mái đầu nhỏ, mào tích kém phát triển. Nhìn chung bộ lông đen chiếm số lượng nhiều hơn con trống, số ít có lông màu hoa mơ đen đốm trắng hoặc vàng tập trung chủ yếu ở vùng cổ. Lông đuôi ngắn hơn gà trống, màu đen.

Nhìn chung, gà H'ông có ngoại hình khá giống gà Ai Cập và gà Ác. Về màu lông, một số gà H'ông có màu lông hoa mơ khá giống gà Ai Cập nhưng mào, da của gà H'ông thì đen hoàn

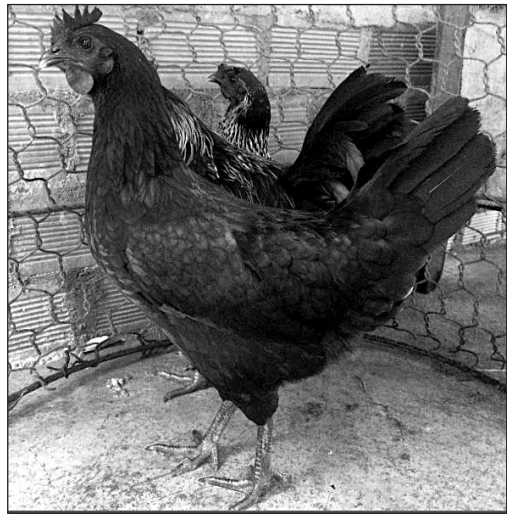
toàn trong khi gà Ai Cập thì mào đỏ, da trắng. Còn đối với gà Ác, màu da, thịt, xương gà Ác giống gà H' mông nhưng đại đa số gà Ác có lông trắng phủ toàn thân và đặc biệt là chân 5 ngón, trong khi đó gà H' mông phân biệt ở đặc điểm chân có 4 ngón (3 ngón trước và 1 ngón sau).



Hình 1. Gà H' mông ở giai đoạn 1 ngày tuổi



Hình 2. Gà H' mông ở giai đoạn 1 tháng tuổi



Hình 3. Gà H' mông mái trưởng thành (16 tuần tuổi)



Hình 4. Gà H' mông trống trưởng thành (16 tuần tuổi)

3.2. Đặc điểm sức sống của gà H' mông

Tỷ lệ nuôi sống của gà H' mông ở giai đoạn từ 1 ngày tuổi đến 4 tuần tuổi (giai đoạn úm) đạt 84%. Sau khi chia lô, từ 4 tuần đến 16 tuần tuổi, tỷ lệ sống ở lô A đạt 88,1%, tỷ lệ sống ở lô B đạt 78,6%. Nhìn chung, tỷ lệ sống trung bình của gà H' mông nuôi thí nghiệm đạt 70%. So với các kết quả nghiên cứu của Trần Văn Phùng và Trần Huê Viên⁵ tại Tuyên Quang với tỷ lệ nuôi sống đạt 88,76% ở giai đoạn 4 tuần tuổi, nghiên cứu của Trần Thanh Vân¹¹ tại Thái Nguyên có tỷ lệ gà nuôi sống đến 12 tuần tuổi đạt 95,84% và Nguyễn Viết Thái⁶ nghiên cứu tại Trung tâm Thực nghiệm và bảo tồn vật nuôi với tỷ lệ gà sống ở giai đoạn 9 tuần tuổi đạt 94,82% thì gà chúng tôi nuôi có

tỷ lệ sống thấp hơn. Điều này có thể lý giải một phần vì gà H'ông là giống gà quen sống ở vùng núi phía Bắc có khí hậu lạnh nên khi nuôi tại Bình Định chúng chưa hoàn toàn thích nghi với điều kiện khí hậu địa phương, bên cạnh đó thời điểm nuôi gà là vào mùa mưa nên khả năng mắc bệnh cao và sức đề kháng của gà cũng kém hơn. Để làm rõ điều này, cần tiến hành nuôi lặp lại với điều kiện dinh dưỡng và chăm sóc tương tự nhưng tiến hành vào thời điểm khác trong năm để đánh giá toàn diện hơn khả năng sống của giống gà này trong điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng Bình Định.

3.3. Đặc điểm sinh trưởng của gà H'ông

3.3.1. Sinh trưởng tích lũy khối lượng

Khối lượng cơ thể gà H'ông ở hai lô khảo sát được thể hiện trong **bảng 1**.

Khối lượng cơ thể gà H'ông ở hai lô khảo sát tăng dần từ 1 đến 16 tuần tuổi. Từ giai đoạn 1 tuần đến 3 tuần tuổi, khối lượng trung bình của gà ở lô A và lô B là tương đương nhau ($p > 0,05$), nhưng bắt đầu từ giai đoạn 3 tuần tuổi trở đi thì có thể thấy khối lượng trung bình của gà lô A cao hơn hẳn lô B ($p < 0,05$).

Ở lô A hệ số biến dị khối lượng cơ thể gà từ 1 tuần đến 16 tuần tuổi dao động từ 6,67%

đến 16,59% và qua các tuần tuổi đều cao hơn lô B có hệ số biến dị khối lượng cơ thể dao động từ 5,59% đến 14,40%. Sự sai khác này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$), chứng tỏ mặc dù gà ở lô B tăng trưởng chậm hơn nhưng có độ đồng đều cao hơn gà ở lô A.

Ở giai đoạn 4 tuần tuổi, gà đạt khối lượng 240,50 g/con (lô A) và 220,33 g/con (lô B), so với cùng thời điểm thì cao hơn khối lượng gà Ri đạt trung bình 171,3 g/con¹⁰, thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Chí Thành⁷ với khối lượng trung bình của gà đạt $270,80 \pm 0,35$ g/con (ăn TAHH) và $268,85 \pm 0,45$ g/con (ăn TATN).

Theo kết quả nghiên cứu của Lương Thế Chung², gà H'ông của đồng bào nuôi tại vùng Yên Bái và gà do tác giả nuôi khảo sát đạt khối lượng lần lượt là 867,73g và 1021,85g ở 12 tuần tuổi (TT), 1134,8g và 1352,55g ở 16 TT, các kết quả này đều thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở cùng giai đoạn.

Trên toàn bộ các giai đoạn thì tốc độ sinh trưởng tuyệt đối của lô A (14,11 g/ngày) cao hơn lô B (11,72 g/ngày) và sự phát triển ở cả hai lô đều tuân theo quy luật sinh trưởng chung của gia cầm.

Bảng 1. Giá trị sinh trưởng tích lũy khối lượng cơ thể gà H'ông qua các tuần tuổi (đv: g)

Tuần tuổi	Lô A (n = 30)			Lô B (n = 30)		
	\bar{X}	SD	Cv%	\bar{X}	SD	Cv%
1	58,17 ^a	7,25	12,46	59,50 ^a	6,48	10,89
2	98,17 ^a	8,95	9,12	99,17 ^a	8,31	8,38
3	172,33 ^a	11,50	6,67	170,67 ^a	9,54	5,59
4	240,50 ^a	33,13	13,78	220,33 ^b	23,48	10,66
5	310,00 ^a	42,47	13,70	285,33 ^b	26,70	9,36
6	380,27 ^a	49,51	13,02	348,60 ^b	27,38	7,86
7	462,77 ^a	64,74	13,99	414,53 ^b	45,63	11,01
8	578,13 ^a	91,49	15,83	506,83 ^b	66,74	13,17
9	686,37 ^a	110,68	16,13	616,03 ^b	88,69	14,40
10	814,33 ^a	130,94	16,08	737,00 ^b	87,80	11,91
11	962,97 ^a	129,59	13,46	866,17 ^b	71,71	8,28
12	1106,60 ^a	165,00	14,91	981,33 ^b	82,88	8,45
13	1243,63 ^a	206,32	16,59	1075,07 ^b	99,60	9,26
14	1367,23 ^a	182,57	13,35	1154,90 ^b	115,06	9,96
15	1457,80 ^a	160,48	11,01	1225,43 ^b	78,35	6,39
16	1539,47 ^a	164,82	10,71	1290,10 ^b	77,31	5,99

Ghi chú: Chữ cái giống nhau trong cùng một hàng thì giá trị không có ý nghĩa thống kê.

3.3.2. Sinh trưởng tích lũy các chiều đo

Kích thước trung bình về chiều dài thân của cơ thể gà H'ông tăng dần qua các tuần tuổi, và kích thước này ở lô A cao hơn lô B (ở 16 tuần tuổi thì lô A đạt 21,32 cm trong khi lô B đạt 19,92 cm). Trong các giai đoạn, giai đoạn 1 - 4 tuần là giai đoạn kích thước chiều dài thân tăng nhanh nhất, tuy nhiên giai đoạn này sự sai khác giữa 2 lô không cao ($p > 0,05$), các giai

đoạn sau kích thước thân tuy tăng chậm nhưng có sự sai khác đáng kể giữa hai lô mà cụ thể là lô A luôn cao hơn lô B ($p < 0,05$). Hệ số biến dị qua các tuần tuổi đa số nhỏ hơn 10%, và càng về sau càng giảm dần thể hiện tính ổn định của tính trạng này theo thời gian.

Kích thước trung bình về chiều dài lườn của gà H'ông tăng dần qua các tuần tuổi, và kích thước này ở lô A cao hơn lô B ($p < 0,05$).

Mức độ tăng trung bình về chiều dài lườn của gà ở lô A (5,7 mm/tuần) cao hơn lô B (5,5 mm/tuần), tuy nhiên sự sai khác này không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Hệ số biến dị qua các tuần tuổi càng về sau càng nhỏ dần thể hiện tính ổn định của tính trạng này theo thời gian. Chiều dài lườn càng cao thì khả năng cho thịt của gia cầm càng tốt, cả về số lượng và chất lượng; đây được xem là giá trị đặc trưng cho giống, là chỉ tiêu được ưu tiên trong chọn giống gia cầm.

Kích thước trung bình về chiều dài giò (hay dài xương cổ bàn) của gà H'ông tăng dần qua các tuần tuổi, nhìn chung kích thước này ở lô A cao hơn lô B ($p < 0,05$). Mức độ tăng trung bình về chiều dài cẳng chân của gà ở lô A (5 mm/tuần) cao hơn lô B (4,8 mm/tuần), tuy nhiên sự sai khác này không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Hệ số biến dị qua các tuần tuổi càng về sau càng nhỏ dần thể hiện tính ổn định của tính trạng này theo thời gian.

Kích thước trung bình về số đo vòng ngực của gà H'ông tăng dần qua các tuần tuổi, và kích thước này ở lô A cao hơn lô B ($p < 0,05$). Mức độ tăng trung bình về số đo vòng ngực của gà ở lô A (10,2 mm/tuần) cao hơn lô B (9,4 mm/tuần), tuy nhiên sự sai khác này không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Hệ số biến dị qua các tuần tuổi đều nhỏ hơn 10% thể hiện tính ổn định

của tính trạng này.

Tỷ số vòng ngực (VN)/dài thân (DT) ở gà H'ông qua các giai đoạn luôn lớn hơn 1 cho thấy hướng sản xuất của giống này là nuôi lấy thịt tốt hơn nuôi lấy trứng. Những kết quả nghiên cứu của các tác giả Ngô Xuân Cảnh¹, Nguyễn Chí Thành⁷, Lương Thế Chung² cũng cho thấy giống gà này có năng suất trứng thấp.

3.3.3. Sự tương quan giữa khối lượng với các chiều đo ở gà H'ông

Ở cả hai lô, hệ số tương quan giữa khối lượng (KL) cơ thể với một số chỉ tiêu về kích thước các chiều đo cơ thể: chiều dài thân (DT), chiều dài lườn (DL), chiều dài giò (DG) và vòng ngực (VN) của gà H'ông từ 1 tuần tuổi đến 16 tuần tuổi đều đạt giá trị dương, thể hiện mức tương quan thuận khác nhau, giá trị dao động ở mức (+)0,93 đến (+)0,98; thể hiện mối tương quan rất chặt. Các giá trị này phù hợp với giá trị sinh trưởng tích lũy khối lượng.

Như vậy, sự sinh trưởng khối lượng cơ thể tỷ lệ thuận và có mối liên hệ rất chặt với sự sinh trưởng của các chỉ số đo chiều dài thân, dài lườn, dài giò và vòng ngực. Trong chọn giống, chúng ta có thể dựa vào chỉ số của một tính trạng để lựa chọn thì các tính trạng khác cũng được chọn theo.

Bảng 2. Sự tương quan giữa khối lượng với các chiều đo của gà H'ông

Hệ số tương quan	Lô A	PT hồi quy tương quan (y=ax+b)		Lô B	PT hồi quy tương quan (y=ax+b)	
		a	b		a	b
Khối lượng và dài thân	0,96	0,01	7,51	0,97	0,01	6,89
Khối lượng và vòng ngực	0,95	0,01	10,75	0,98	0,01	10,12
Khối lượng và dài lườn	0,93	0,005	3,94	0,96	0,006	3,24
Khối lượng và dài giò	0,94	0,005	2,86	0,97	0,005	2,34

3.4. Khả năng sản xuất thịt của gà H'ông

Gà được chọn giết mổ vào lúc đạt 16 tuần tuổi, ở lứa tuổi này có thể xuất chuồng được.

Bảng 3. Khối lượng, tỷ lệ các loại thịt của gà H' mông ở giai đoạn 16 tuần tuổi

Chỉ tiêu	Lô A (n=3)	Lô B (n=3)	P
	\bar{X}	\bar{X}	
KL sống (g)	1385,67	1157,33	0,02
KL tiết (g)	36,40	33,87	0,57
KL móc hàm (g)	1082,67	882,67	0,02
Tỷ lệ móc hàm (%)	78,13	76,27	-
KL thịt xẻ (g)	937,67	774,33	0,02
Tỷ lệ thịt xẻ (%)	67,67	66,91	-
KL thịt đùi (g)	254,53	205,33	0,01
Tỷ lệ thịt đùi (%)	27,14	26,52	-
KL thịt ức (g)	153,33	162,67	0,65
Tỷ lệ thịt ức (%)	16,35	21,01	-
KL mỡ (dạ dày) (g)	26,93	29,03	0,39
KL gan (g)	32,00	25,03	0,2
KL tim (g)	8,37	5,53	0,04

Chỉ tiêu về khối lượng các loại thịt như: khối lượng sống, khối lượng tiết, khối lượng móc hàm, khối lượng thịt xẻ, khối lượng thịt đùi, khối lượng gan và tim ở lô A cao hơn lô B, trong khi đó các chỉ tiêu còn lại là khối lượng thịt ức và khối lượng mỡ ở lô B cao hơn lô A. Sự sai khác của các chỉ tiêu khối lượng sống, khối lượng móc hàm, khối lượng thịt xẻ, khối lượng thịt đùi và khối lượng tim ở lô A và lô B có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$), điều này cho thấy nuôi gà bằng TAHH giúp gà nhanh tăng trưởng và cho lượng thịt đạt cao hơn so với gà nuôi ăn TATN. Sự sai khác các chỉ tiêu còn lại giữa hai lô không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). So với các kết quả nghiên cứu của Lương Thế Chung², Nguyễn Chí Thành⁷,

các chỉ tiêu về khả năng sản xuất thịt của gà chúng tôi nuôi đều đạt cao hơn.

4. KẾT LUẬN

Trong 2 lô gà được nuôi khảo sát thì sinh trưởng tích lũy khối lượng cũng như các chiều đo cơ thể ở lô A cao hơn lô B. Đánh giá về mặt ngoại hình, gà H' mông nuôi hướng thịt tốt hơn so với hướng trứng.

Khảo sát chất lượng thịt cho thấy, ngoại trừ khối lượng mỡ và thịt ức, các chỉ tiêu còn lại ở lô A cũng đều cao hơn lô B (chỉ tiêu các loại thịt ở lô A và lô B lần lượt là: tỷ lệ móc hàm 78,13% và 76,27%, tỷ lệ thịt xẻ 67,67% và 66,91%, tỷ lệ thịt đùi 27,14% và 26,52%,...). Điều này cho

thấy ảnh hưởng của chế độ ăn đến sự sinh trưởng và năng suất cho thịt của gà. Trong cùng khoảng thời gian, chăn nuôi bằng TAHH giúp gà sinh trưởng nhanh hơn, cho thịt nhiều hơn gà nuôi bằng TATN.

Để nhân nuôi gà H'mông trên quy mô rộng, phổ biến trong cộng đồng cần có thêm những nghiên cứu về giống gà này ở các giai đoạn hậu bị, gà đẻ; nuôi gà qua nhiều điều kiện khí hậu và chế độ dinh dưỡng khác nhau để đánh giá một cách rộng hơn về hiệu quả chăn nuôi, khả năng thích nghi của gà đồng thời chú trọng công tác phòng ngừa dịch bệnh, chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, vừa góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, vừa bảo tồn nguồn gen quý của loài.

Lời cảm ơn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Quy Nhơn đã tài trợ kinh phí cho nghiên cứu này, thông qua đề tài nghiên cứu khoa học số T2018.565.14.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ngô Xuân Cảnh. Nghiên cứu so sánh một số đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất thịt và chất lượng thịt của gà Mèo địa phương Sa Pa với gà Mèo thuần, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, 2011.
2. Lương Thế Chung. Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất của gà Mèo nuôi tại 3 xã của huyện Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái, Luận văn Thạc sĩ Chăn nuôi, Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên, 2017.
3. Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Huy Đạt. *Một số chỉ tiêu dùng trong nghiên cứu chăn nuôi gia cầm*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2011.
4. Nguyễn Duy Hoan, Nguyễn Hữu Hòa. Một số đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của gà Mèo và con lai của chúng với gà Ri, *Tạp chí Chăn nuôi*, **2008**, số 12, 2-7.

5. Trần Văn Phùng, Trần Huệ Viên. Một số đặc điểm sinh trưởng của gà Mèo nuôi tại Na Hang - Tuyên Quang, *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi*, **2006**, số 7, 16-19.
6. Nguyễn Việt Thái. Nghiên cứu xác định tổ hợp lai có hiệu quả kinh tế giữa gà H'mông và gà Ai Cập để sản xuất gà xương, da, thịt đen, Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp, Viện Chăn nuôi, 2012.
7. Nguyễn Chí Thành. Nghiên cứu một số đặc điểm của gà nuôi trong vùng đồng bào Mông Bắc Kạn, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp, Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên, 2012.
8. Phạm Công Thiệu, Võ Văn Sự và Hồ Lam Sơn. *Kết quả nghiên cứu bảo tồn, chọn lọc và phát triển gà H'mông qua 3 thế hệ nuôi tại Viện Chăn nuôi*, Hội nghị bảo tồn quỹ gen vật nuôi 1990 - 2004, Viện Chăn nuôi, Hà Nội, 2004.
9. Bùi Quang Tiến. Phương pháp mổ khảo sát gia cầm, *Thông tin khoa học kỹ thuật nông nghiệp*, **1994**, số 4, 1-5.
10. Nguyễn Đăng Vang, Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga, Nguyễn Mạnh Hùng. Khả năng sản xuất của gà Ri, *Tạp chí Chăn nuôi Việt Nam*, **1999**, 99-100.
11. Trần Thanh Vân. Khả năng sinh trưởng của gà H'mông lông đen nuôi trong nông hộ tại Thái Nguyên, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, **2005**, số 2, 54-56.
12. Viện Chăn nuôi, Bộ NN-PTNT Việt Nam, *Hoàn thiện quy trình công nghệ chăn nuôi vịt Bầu Quý và gà H'mông*, 2003.

Tiếng Anh

13. *Asia Pacific Biotech News*. "Medicinal value of the Black-boned chicken". Biotech services Ptc. Ltd., **1994**, Vol 29, March, 94-99.
14. Chambers J.R. "Genetic of growth and meat production in chicken." In Poultry Breeding and Genetic, 1990.